

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v Ly hôn giữa anh Lâm Hồng D  
với chị Đặng Thị P

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Diên Hùng.

2. Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Hồng D, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đặng Thị P, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21-6-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lâm Hồng D trình bày:*

Anh với chị Đặng Thị P chung sống với nhau có hôn phối theo phong tục; cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26-5-2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi hôn phối, cả hai thuê nhà chung sống, làm công nhân tại Thành phố H. Vợ chồng không đăng ký thường trú chung. Đến tháng 8-2011, chị P về quê tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế sinh con. Từ đó, do điều kiện công việc, hoàn cảnh sinh sống không hợp nên vợ chồng không chung sống với nhau. Tình trạng kéo dài, không

thể khắc phục được, giữa vợ chồng không có trách nhiệm chung nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một người con chung là cháu Lâm Hồng Duy A, sinh ngày 24-8-2011. Từ khi không chung sống, chị P là người nuôi cháu A. Anh đề nghị sau khi ly hôn, giao cháu A cho chị P nuôi để thuận lợi cho việc học tập, sinh sống của cháu.

Về cấp dưỡng: Anh sẽ thực hiện đóng góp nuôi con theo yêu cầu của chị P; không yêu cầu cấp dưỡng gì khác.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai ngày 28-7-2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đặng Thị P trình bày:*

Chị thừa nhận việc đăng ký kết hôn, điều kiện, hoàn cảnh chung sống và nghề nghiệp, việc làm như anh D trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do quan điểm, lối sống không hợp nhau, bất đồng về nơi sinh sống, làm việc để xây dựng gia đình, chăm sóc con cái. Từ năm 2013, vợ chồng không chung sống với nhau đến nay; không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị đồng ý yêu cầu ly hôn của anh D.

Về con: Chị thống nhất vợ chồng có một người con chung là cháu Lâm Hồng Duy A, sinh ngày 24-8-2011. Hiện tại, cháu A đang ở với chị và đã đi học tại địa phương. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nhận nuôi cháu A đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu cấp dưỡng gì khác.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi nguyện vọng con chưa thành niên ngày 08-8-2022, cháu Lâm Hồng Duy A trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ (chị P).

Ngày 14-7-2022, anh Lâm Hồng D nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ngày 08-8-2022, chị Đặng Thị P nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị căn cứ Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Anh Lâm Hồng D và chị Đặng Thị P kết hôn hợp pháp; quá trình chung sống có một người con chung là cháu Lâm Hồng Duy A, sinh ngày 24-8-2011. Trên cơ sở yêu cầu của đương sự và tài liệu, chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận cho anh D ly hôn; giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi đến khi thành niên; các vấn đề khác không có yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Hồng D và chị Đặng Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-5-2011. Thời điểm đăng ký, cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trên cơ sở yêu cầu ly hôn của anh Lâm Hồng D, ý kiến của chị Đặng Thị P; kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn và nguyện vọng của vợ, chồng, thấy rằng:

Anh D và chị P thừa nhận điều kiện sinh sống, làm việc mỗi người một nơi và không thống nhất thỏa thuận về nơi cư trú chung của vợ chồng nên nảy sinh mâu thuẫn; từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không chung sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không có nghĩa vụ và trách nhiệm chung trong xây dựng gia đình. Quá trình tố tụng, cả hai đều không có nguyện vọng hàn gắn để đoàn tụ. Chứng tỏ, vợ chồng không có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống chung giữa vợ chồng không có. Như vậy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu cho anh D ly hôn. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[4] Về con: Anh Lâm Hồng D và chị Đặng Thị P thừa nhận có một người con chung là cháu Lâm Hồng Duy A, sinh ngày 24-8-2011, phù hợp chứng cứ là giấy khai sinh.

Xét yêu cầu giao người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, thấy rằng:

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Từ khi vợ chồng không chung sống, chị P là người nuôi cháu A. Cháu A đang học tập tại địa phương nơi chị P cư trú và có nguyện vọng ở với mẹ. Anh D cũng có ý kiến đề nghị giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi. Do đó, chấp nhận yêu cầu giao cháu A cho chị P trực tiếp nuôi đến khi thành niên là phù hợp, bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã được phổ biến, giải thích nhưng tự nguyện không yêu cầu nên không xét.

[6] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xét. Trường hợp sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Lâm Hồng D với chị Đặng Thị P; quan hệ vợ chồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cháu Lâm Hồng Duy A, sinh ngày 24-8-2011 cho chị Đặng Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ khi ly hôn đến khi thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí sơ thẩm:** Anh Lâm Hồng D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2021/00001866 ngày 14-7-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế; anh D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- CCTHADS huyện Phong Điền;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Văn Trường**